

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Điểm - Kiểm sát viên.

Ngày 10-6-2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2025/QĐXXST-DS ngày 25-4-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thị Q, sinh năm 2004; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (nhận văn bản): Chị Nguyễn Thị Mỹ Thi N2; Sinh năm 1998; Địa chỉ liên hệ: Số 74 Đoàn Thị Đ, Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 04-02-2025.

- Bị đơn: Ông Võ Hoàng N, sinh năm 2000; địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-02-2025, đơn yêu cầu không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đề ngày 9-4-2025, đơn xin vắng mặt đề ngày 9-4-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Thị Q trình bày cho rằng Bà Thị Q và Ông Võ Hoàng N tự nguyện yêu thương nhau và cùng nhau tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 5-3-2024 tại Ủy ban nhân dân xã

T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng cuối năm 2023 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay, hiện ai cũng có cuộc sống riêng tư, không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nữa. Do đó, Bà Thị Q yêu cầu xin ly hôn với Ông Võ Hoàng N. Về con chung giữa Bà Thị Q và Ông Võ Hoàng N có một con chung tên Danh Thành M (sinh ngày 01-4-2023) hiện sinh sống cùng Bà Thị Q; khi ly hôn Bà Thị Q yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Ông Võ Hoàng N cấp dưỡng cho con chung. Tài sản chung, nợ chung giữa Bà Thị Q và Ông Võ Hoàng N không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nghĩa vụ cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn không yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 21-3-2025, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Võ Hoàng N trình bày cho rằng hiện Ông Võ Hoàng N cư trú Ấp M, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; Ông thống nhất với Bà Thị Q về thời gian kết hôn, con chung như Bà Thị Q đã trình bày. Tuy nhiên, Ông Võ Hoàng N không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Ông Võ Hoàng N không đồng ý việc con chung mang họ khác với họ của ông, sự việc này ông sẽ khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp Toà án giải quyết cho Ông Võ Hoàng N ly hôn với Bà Thị Q thì Ông Võ Hoàng N đồng ý giao con chung Danh Thành M (sinh ngày 01-4-2023) cho Bà Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, Ông Võ Hoàng N không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Tại phiên tòa, Bà Thị Q vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Ông Võ Hoàng N vắng mặt không có lý do chính đáng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân cho Bà Thị Q được ly hôn với Ông Võ Hoàng N; về con chung, giao cháu Danh Thành M cho Bà Thị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho Ông Võ Hoàng N không ai được quyền ngăn cản; về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Bà Thị Q là vụ án hôn nhân và gia đình về “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn Ông Võ Hoàng N cư trú Ấp M, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Bà Thị Q vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, Ông

Võ Hoàng N được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Thị Q và Ông Võ Hoàng N kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 5-3-2024 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo Bà Thị Q trình bày vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã và đã sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ, mặc dù Ông Võ Hoàng N không đồng ý ly hôn do còn thương yêu vợ con, nhưng Bà Thị Q vẫn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã sống ly thân và hiện ai cũng có cuộc sống riêng, không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nữa và có đơn yêu cầu không hòa giải, xin vắng mặt. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... theo quy định tại Điều 17-Điều 23 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, từ tháng 7/2024 đến nay thì Bà Thị Q và Ông Võ Hoàng N đã sống ly thân, mỗi người tự sống cuộc sống riêng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Xét Bà Thị Q yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Thị Q trình bày giữa Bà Thị Q và Ông Võ Hoàng N có một con chung tên Danh Thành M (sinh ngày 01-4-2023) hiện sinh sống cùng Bà Thị Q; khi ly hôn Bà Thị Q yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến thành niên và không yêu cầu Ông Võ Hoàng N cấp dưỡng cho con; Ông Võ Hoàng N đồng ý giao con chung cho Bà Thị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và ông có quyền thăm nom con chung. Xét yêu cầu của Bà Thị Q và ý kiến của Ông Võ Hoàng N, cần tiếp tục giao cháu Danh Thành M cho Bà Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với điều kiện, nguyện vọng của Bà Thị Q, Ông Võ Hoàng N và đúng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Võ Hoàng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Thị Q không yêu cầu về cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thị Q trình bày không có, Ông Võ Hoàng N không có ý kiến khác về vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Thị Q phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Thị Q với bị đơn Ông Võ Hoàng N:

- Về hôn nhân: Bà Thị Q được ly hôn với Ông Võ Hoàng N (Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 5-3-2024 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng).

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Danh Thành M (sinh ngày 01-4-2023) cho Bà Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đã thành niên; Ông Võ Hoàng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng cho con chung: Bà Thị Q không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thị Q trình bày không có, Ông Võ Hoàng N không có ý kiến khác về vấn đề này, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Thị Q phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008434 ngày 26-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Nhân